TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2022/DS-ST Ngày: 27-12-2022 **V/v:** "Tranh chấp di sản thừa kế; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Văn bản họp gia đình".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Chiến

Bà Hoàng Thị Khiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "Di sản thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Văn bản họp gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955; cư trú tại số 30, thôn L, xã N', huyện Đ, tỉnh L, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Th, sinh năm: 1958; địa chỉ: số 36, đường H, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh L. Luật sư của Văn phòng Luật sư N - Đoàn Luật sư tỉnh L, có mặt.

Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm: 1960; cư trú tại số 16, đường T, tổ 1, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Thành N, sinh năm: 1960; cư trú tại số 50/5, đường H, Phường 3, thành phố Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 10206, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 17/10/2022), có mặt.

2/ Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), sinh năm: 1959, vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Anh V, sinh năm: 1990, vắng mặt.

4/ Chị Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1992, có mặt.

Cùng cư trú tại số 16, đường T, tổ 1, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của bà A, anh V: Chị Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1992; cư trú tại tại số 16, đường T, tổ 1, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2909, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng P chứng thực ngày 30/11/2022), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1948; cư trú tại số 16, đường T, tổ 1, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955; cư trú tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 00026419, quyển số 10/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 10/10/2022), có mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Trâm O, sinh năm: 1949; cư trú tại số 16, đường T, tổ 1, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, có mặt.

3/ Ông Nguyễn Mạnh N (Nguyen Nam M), sinh năm: 1954; địa chỉ: 3515 Flair Dr, Dallas, TX 75229, USA, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955; cư trú tại số 30, thôn L, xã N', huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền được Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại N, H chứng nhận số 113.2/2022 ngày 15/02/2022 và số 191, quyển số 02-SCT/CK, CĐ do Văn phòng công chứng số 03, tỉnh L chứng thực ngày 31/3/2022), có mặt.

4/ Bà Nguyễn Thị Hoài B, sinh năm: 1961; cư trú tại số 194, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955; cư trú tại số 30, thôn L, xã N', huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy số 499, quyển số 02-SCT/CK, CĐ do Văn phòng công chứng số 03, tỉnh L chứng thực ngày 07/10/2022), có mặt.

5/ Ông Nguyễn Mạnh Nh, sinh năm: 1962; địa chỉ: Burien, W, Hoa K, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955; cư trú tại số 30, thôn L, xã N', huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy được Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại N, H chứng nhận số 174.12/2021 ngày 19/6/2021 và số 193, quyển số 02-SCT/CK, CĐ do Phòng công chứng số 03, tỉnh L chứng thực ngày 31/3/2022), có mặt.

6/ Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm: 1963; cư trú tại số 16, đường T, tổ 1, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Trâm O, sinh năm: 1949; cư trú tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 500, quyển số 02-SCT/CK, CĐ do Phòng công chứng số 03, tỉnh L chứng thực ngày 11/10/2022), có mặt.

7/ Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1967; địa chỉ: Wakayama Ken, Wakayamashi, Higashinagamachi 7-35 Higashinagamachi Danchi Chusouto 15, Nhật Bản, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955; cư trú tại số 30, thôn L, xã N', huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ô - Xa - ca, Nhật Bản chứng nhận số 0551 CNLS/HPHLS ngày 07/3/2022 và số 192, quyển số 02-SCT/CK, CĐ do Phòng công chứng số 03, tỉnh L chứng thực ngày 31/3/2022), có mặt.

8/ Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1976, vắng mặt.

9/ Anh Nguyễn Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 2002, vắng mặt.

Cùng cư trú tại T, huyện T, tỉnh B – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955; cư trú tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 004751, quyển số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 11/10/2022), có mặt.

10/ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L; địa chỉ: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn C, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2021, lời trình bày tại các bản tự khai của Bà Nguyễn Thị Phương L thì: Cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Duy (sinh năm: 1922; chết năm: 1987) và cụ Lù Thị M (sinh năm: 1927, chết năm: 1996), có đăng ký kết hôn năm 1947 tại L; cụ D, cụ M có 13 người con chung gồm: bà, ông Nguyễn Mạnh H; bà Nguyễn Thị Trâm O; ông Nguyễn Mạnh N; ông Nguyễn Mạnh T; ông Nguyễn

Mạnh H (sinh năm: 1961, chết năm: 2015), ông H có vợ là Hứa Thị A (tên gọi khác là O), sinh năm: 1959 và con là anh Nguyễn Anh V, sinh năm: 1990 và Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1992; bà Nguyễn Thị Hoài B; ông Nguyễn Mạnh Nh; bà Nguyễn Thị Kim Q; bà Nguyễn Thị Kim D; ông Nguyễn Mạnh Kh (sinh năm: 1970, chết năm: 2006), ông Kh có vợ là bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1976 và có con là Nguyễn Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 2002; ông Nguyễn Mạnh C (sinh năm: 1965, chết 2004), không có vợ con; ông Nguyễn Mạnh T (sinh năm: 1968, chết năm: 1991), ông T không có vợ con.

Trong quá trình chung sống với nhau cụ D, cụ M đã tạo lập được 01 khối tài sản gồm căn nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích khoảng 342m^2 thuộc thửa số 363, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại đường T, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Diện tích đất này đã được ông Nguyễn Mạnh Tiến nhập chung với diện tích 288m^2 mà ông T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Hoàng Văn V, bà Vòng Nhật L vào năm 1998 và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 ngày 16/10/2008 mang tên ông Nguyễn Mạnh T và ông Nguyễn Mạnh H với diện tích 602,6m^2 (trong đó có 250m^2 đất ở nông thôn và 352,6m^2 đất trồng cây hằng năm) tại thửa đất số 1082 (thửa cũ 363, 364), tờ bản đồ số 75 (tờ bản đồ cũ 25) tọa lạc tại đường T, khu phố 5, L, huyện Đ, tỉnh L.

Cụ D, cụ M chết không để lại di chúc, di sản để lại vẫn chưa được phân chia cho các đồng thừa kế. Ngày 24/5/2007 bà Nguyễn Thị Trâm O, ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Kim Q đã lập biên bản họp gia đình giao toàn bộ nhà và đất của cụ D, cụ M cho ông Nguyễn Mạnh T và ông Nguyễn Mạnh H được toàn quyền sử dụng thửa đất nói trên và làm thủ tục hợp thức hóa quyền sử dụng đất mà không có ý kiến của những người thừa kế còn lại. Bà không biết việc ông T và ông Hoàng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mà cụ D, cụ M để lại. Do vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Mạnh H vì căn nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích 342m^2 là di sản do cụ D, cụ M để lại và chưa được chia di sản thừa kế.

+ Chia di sản thừa kế của cụ D, cụ M để lại là căn nhà và diện tích đất nói trên cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

+ Hủy biên bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L chứng thực ngày 30/5/2007.

Riêng phần diện tích đất của của ông T nhận chuyển nhượng của ông H Văn V, bà Vòng Thị L thì bà không tranh chấp, đề nghị tách phần diện tích đất này cho ông T.

Về giá trị tài sản tranh chấp: thống nhất giá trị tài sản là 4.500.000.000đ, diện tích đất thống nhất theo họa đồ đo đạc thực tế là 306,9m^2, phần của ông T là 301,5m^2 theo họa đồ đo đạc, không tranh chấp về ranh giới với các hộ lân cận.

- Theo lời trình bày của ông Nguyễn Mạnh T thì: ông thống nhất về hàng, diện thừa kế, nguồn gốc đất như bà L trình bày. Tuy nhiên trong tổng diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông và ông Nguyễn Mạnh H thì trong đó có một phần diện tích đất 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2) có nguồn gốc năm 1998 ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H Văn V, bà Vòng Thị L bằng giấy viết tay, ông đã trả đủ tiền và nhận đất sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp.

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, thống nhất hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông và ông Nguyễn Mạnh H đối với diện tích đất 602,6m^2, thuộc thửa 1082, tờ bản đồ số 75 (2007), tọa lạc tại tổ 16, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, thống nhất yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà L, đối với phần di sản thừa kế ông được hưởng do cha, mẹ để lại thì ông thống nhất giao cho bà L quản lý, sử dụng, ông không tranh chấp và không yêu cầu gì, thống nhất yêu cầu hủy văn bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L chứng thực ngày 30/5/2007. Về giá trị tài sản tranh chấp thống nhất giá trị tài sản do Công ty thẩm định giá N thông báo là 4.500.000.000đ, diện tích đất thống nhất theo họa đồ đo đạc thực tế là 306,9m^2, phần của ông T là 301,5m^2 theo họa đồ đo đạc, không tranh chấp về ranh giới với các hộ lân cận.

Ngoài ra ông T có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận diện tích đất đất 301,5m^2, thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L và căn nhà gỗ trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông.

- Theo lời trình bày của Chị Nguyễn Hoàng Q, người đại diện theo ủy quyền của Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V, và lời trình bày của Chị Nguyễn Hoàng Q trình bày: căn nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2) mà hiện nay gia đình chị đang sử dụng có nguồn gốc do ông Nguyễn Mạnh H nhận chuyển nhượng của ông H Văn V, bà Vòng Nhật L và năm 1998 nhưng nội dung giấy sang nhượng đất thì ghi tên ông T, việc thỏa thuận để ông T đứng tên trên giấy sang nhượng đất không có giấy tờ chứng minh vì tại thời điểm đó số tiền nhận chuyển nhượng nhà, quyền sử dụng đất là do các cô chú ở nước ngoài gửi tiền về để cho, sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình chị sử dụng từ đó cho đến nay, quá trình sử dụng đất thì ông T nhập phần diện tích đất 288m^2 này vào diện tích đất của cụ D, cụ M để lại để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên Ông Nguyễn Mạnh

T và ông Nguyễn Mạnh H, hiện nay ông H đã chết, bà A và anh V đang sử dụng căn nhà này.

Nay chị đại diện cho bà A, anh V thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, đồng ý nhận số tiền 500.000.000đ mà bà L thanh toán cho gia đình chị, gia đình chị đồng ý trả lại diện tích đất 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2) cho ông T. Đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông T và ông Nguyễn Mạnh H, đồng ý hủy văn bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tinrhh Lâm Đồng chứng thực ngày 30/5/2007; thống nhất yêu cầu phản tố của ông T. Đối với phần di sản thừa kế ông H được nhận do cụ D, cụ M để lại thì do hai bên thỏa thuận bà L và các đồng thừa kế của cụ D, cụ M đồng ý thanh toán cho gia đình chị số tiền 500.000.000đ nên chị không yêu cầu và không tranh chấp gì trong phần di sản thừa kế này. Về giá trị tài sản tranh chấp thống nhất giá trị tài sản do Công ty thẩm định giá N thông báo là 4.500.000.000đ, diện tích đất thống nhất theo họa đồ đo đạc thực tế là 306,9m^2, phần của ông T là 301,5m^2 theo họa đồ đo đạc, không tranh chấp về ranh giới với các hộ lân cận.

- Bà Nguyễn Thị Trâm O và Bà Nguyễn Thị Kim Q (do Bà Nguyễn Thị Trâm O đại diện theo ủy quyền) thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà L, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế các bà thống nhất giao phần di sản thừa kế mà bà được hưởng cho bà L quản lý, sử dụng, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, thống nhất yêu cầu phản tố của ông T. Về giá trị tài sản tranh chấp thống nhất giá trị là 4.500.000.000đ, diện tích đất thống nhất theo họa đồ đo đạc thực tế là 306,9m^2, phần của ông T là 301,5m^2 theo họa đồ đo đạc, không tranh chấp về ranh giới với các hộ lân cận.

- Ông Nguyễn Mạnh N, Bà Nguyễn Thị Kim D, Ông Nguyễn Mạnh Nh, Ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Hoài B, Bà Nguyễn Thị Ph, Anh Nguyễn Nguyễn Tuấn A do Bà Nguyễn Thị Phương L, là người đại diện theo ủy quyền, thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà L, phần di sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật thống nhất giao cho bà L quản lý, sử dụng, không tranh chấp và không yêu cầu gì trong vụ án này, thống nhất yêu cầu phản tố của ông T. Riêng diện tích đất của ông T nhận chuyển nhượng của ông H Văn V, bà Vòng Thị L thì không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về giá trị tài sản tranh chấp thống nhất giá trị tài sản do Công ty thẩm định giá N thông báo là 4.500.000.000đ, diện tích đất thống nhất theo họa đồ đo đạc thực tế là 306,9m^2, phần của ông T là 301,5m^2 theo họa đồ đo đạc, không tranh chấp về ranh giới với các hộ lân cận.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L có Văn bản trình bày: Xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L ngày 16/10/2008 cho ông T, ông H. Qua rà soát hồ sơ thì theo giấy chứng tử số

154, quyển số 03 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L ngày 15/7/1996 Ông Nguyễn Mạnh T có đơn xin khai tử cho mẹ là bà Lù Thị Moun, được Ủy ban nhân thị trấn Liên Nghĩa xác nhận ngày 15/7/1996. Ngày 01/3/2007 ông T có tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất và tờ khai thuế chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích 250m^2 đất ở đô thị và 352,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Ngày 24/5/2007 biên bản họp gia đình thống nhất cho ông T, ông H nhận thừa kế thửa 363, 364, tờ bản đồ số 25, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L tương ứng thửa 1082, tờ bản đồ số 75, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Ngày 08/8/2008 ông T, ông H có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1082, tờ bản đồ số 75, diện tích 250m^2 đất ở đô thị và 352,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L có biên bản kiểm tra xác minh đối với thửa đất số 1082, tờ bản đồ số 75. Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa 1082, tờ bản đồ số 75, diện tích 602,6m^2, trong đó có 250m^2 đất ở đô thị; ngày 10/6/2008 ông T, ông H được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 đối với thửa 1082, tờ bản đồ số 75 (2007), thị trấn L, huyện Đ đối với diện tích diện tích 602,6m^2, trong đó có 250m^2 đất ở đô thị và 352,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa,

- Bà Nguyễn Thị Phương L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Mạnh H vì căn nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích 342m^2 là di sản do cụ D, cụ M để lại và chưa được chia di sản thừa kế; yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ D, cụ M đối với khối tài sản vừa nêu cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật, hủy biên bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L chứng thực ngày 30/5/2007. Riêng phần diện tích đất của của ông T nhận chuyển nhượng của ông H Văn Vân, ông bà Vòng Thị L thì bà không tranh chấp, đề nghị tách phần diện tích đất này cho ông T.

- Ông Nguyễn Mạnh T, do Ông Vũ Thành N đại diện theo ủy quyền, đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Mạnh H đối với diện tích đất 602,6m^2, thuộc thửa 1082, tờ bản đồ số 75 (2007), tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L, thống nhất hủy Văn bản họp gia đình, thống nhất giao phần di sản thừa kế được hưởng cho bà L quản lý, sử dụng, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời giữ nguyên yêu cầu phản tố: Công nhận diện tích đất đất 301,5m^2, thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L và căn nhà gỗ trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T. Đồng ý để Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V, Chị Nguyễn Hoàng Q được quyền lưu cư trong căn nhà trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Hoàng Q, người đại diện theo ủy quyền của Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, đồng ý nhận số tiền 500.000.000đ do bà bà L đại diện thanh toán cho gia đình bà, gia đình bà đồng ý trả lại diện tích đất 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2) cho ông T. Đồng ý hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông T và ông Nguyễn Mạnh H, đồng ý hủy văn bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ chứng thực ngày 30/5/2007; thống nhất yêu cầu phản tố của ông T.

Đối với phần di sản thừa kế ông H được nhận do cụ D, cụ M để lại thì do hai bên thỏa thuận bà L và các đồng thừa kế của cụ D, cụ M đồng ý thanh toán cho gia đình bà số tiền 500.000.000đ nên bà không yêu cầu và không tranh chấp gì trong phần di sản thừa kế này.

- Bà Nguyễn Thị Trâm O và Bà Nguyễn Thị Kim Q (do bà O đại diện theo ủy quyền) thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà L, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế các bà thống nhất giao phần di sản thừa kế mà bà được hưởng cho bà L quản lý, sử dụng, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thống nhất yêu cầu phản tố của ông T.

- Ông Nguyễn Mạnh N, Bà Nguyễn Thị Kim D, Ông Nguyễn Mạnh Nh, Ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Hoài B, Bà Nguyễn Thị Ph, Anh Nguyễn Nguyễn Tuấn A do Bà Nguyễn Thị Phương L, là người đại diện theo ủy quyền, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, phần di sản thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật thống nhất giao cho bà L quản lý, sử dụng, không tranh chấp và không yêu cầu gì trong vụ án này. Thống nhất yêu cầu phản tố của ông T.

Riêng diện tích đất của ông T nhận chuyển nhượng của ông H Văn V, bà Vòng Thị L thì đề nghị công nhận cho ông T, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Phương L; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AN676920 mang tên Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H ngày 16/10/2008; hủy Biên bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L chứng thực ngày 30/5/2007. Giao toàn bộ nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích 342m^2 (đo đạc thực tế 306,9m^2), thuộc một phần thửa

1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L cho cho Bà Nguyễn Thị Phương L quản lý, sử dụng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Nguyễn Mạnh T về công nhận diện tích quyền sử dụng đất 301,5m^2, thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L và căn nhà gỗ trên đất thuộc quyền sử dụng của ông T. Gia đình bà Hứa Thị Anh được quyền lưu cư trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Bà Nguyễn Thị Phương L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế mà cha, mẹ của bà là cụ Nguyễn Văn Duy và cụ Lù Thị M để lại gồm căn nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích 342m^2 (đo đạc thực tế là 306,9m^2), thuộc thửa số 1082, tờ bản đồ 75 (2007), tọa lạc tại đường T, khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 16/10/2008 mang tên ông Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Mạnh H; phân chia di sản thừa kế của cụ D, cụ M để lại là 342m^2 nhà và đất (đo đạc thực tế là 306,9m^2) nói trên theo quy định pháp luật; hủy biên bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L chứng thực ngày 30/5/2007. Quá trình giải quyết vụ án ông T, bà A, anh V, chị Quyên, ông Hùng, bà O, bà Bắc, ông Nhơn, bà Quy, bà Dung, bà Phượng, anh Tuấn Anh đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Đồng thời Ông Nguyễn Mạnh T có đơn phản tố yêu cầu công nhận diện tích đất 288m^2 (đo đạc thực tế 301,5m^2), thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L và căn nhà gỗ trên đất thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông T. Bà L, bà A, anh V, chị Quyên, ông Hùng, bà O, bà Bắc, ông Nhơn, bà Quy, bà Dung, bà Phượng, anh Tuấn Anh đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T.

Do vậy có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Văn bản họp gia đình" theo quy định tại các khoản 2, 5, 14 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh L.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét về hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn Duy (sinh năm: 1922; chết năm: 1987) và cụ Lù Thị M (sinh năm: 1927; chết năm: 1996) là vợ chồng; quá trình chung sống cụ D, cụ M có 13 người

con chung gồm: Bà Nguyễn Thị Phương L; ông Nguyễn Mạnh H; bà Nguyễn Thị Trâm O; ông Nguyễn Mạnh N; ông Nguyễn Mạnh T; ông Nguyễn Mạnh H (sinh năm: 1961, chết năm: 2015), ông H có vợ là Hứa Thị A (tên gọi khác là O), sinh năm: 1959 và con là anh Nguyễn Anh V, sinh năm: 1990 và Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1992; bà Nguyễn Thị Hoài B; ông Nguyễn Mạnh Nh; bà Nguyễn Thị Kim Q; bà Nguyễn Thị Kim D; ông Nguyễn Mạnh Kh (sinh năm: 1970, chết năm: 2006), ông Kh có vợ là bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1976 và có con là Nguyễn Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 2002; ông Nguyễn Mạnh C (sinh năm: 1965, chết 2004), không có vợ con; ông Nguyễn Mạnh T (sinh năm: 1968, chết năm: 1991), ông T không có vợ con. Ngoài ra cụ ông Nguyễn Văn D, cụ bà Lù Thị M không có người vợ, người chồng, không có con riêng, con nuôi, nào khác; cha mẹ ruột của hai cụ đã chết từ trước.

Bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất với lời trình bày của bà L về mối quan hệ huyết thống và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ ông Nguyễn Văn D, cụ bà Lù Thị M; thời điểm chết của những người này, không có tranh chấp về hàng, diện thừa kế. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Căn cứ quy định điểm A mục III Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp thừa kế thì: cụ bà Lù Thị Moun, Bà Nguyễn Thị Phương L, Ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Trâm O, Ông Nguyễn Mạnh N, Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Hoài B, Ông Nguyễn Mạnh Nh, Bà Nguyễn Thị Kim Q, Bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Mạnh Kh, ông Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Mạnh T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Nguyễn Văn Duy.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì Bà Nguyễn Thị Phương L, Ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Trâm O, Ông Nguyễn Mạnh N, Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Hoài B, Ông Nguyễn Mạnh Nh, Bà Nguyễn Thị Kim Q, Bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Mạnh Kh, ông Nguyễn Mạnh C là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Lù Thị Moun.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Mạnh Khang gồm: Bà Nguyễn Thị Ph, Anh Nguyễn Nguyễn Tuấn A; những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Mạnh H gồm: Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V, Chị Nguyễn Hoàng Q.

[3.2] Xét về di sản thừa kế:

Ngày 16/10/2008 Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 ngày 16/10/2008 cho "Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H" đối với lô đất có nhà ở diện tích 602,6m^2, sử dụng riêng là 602,6m^2, đất ở

đô thị là 250m^2 thuộc thửa 1082, tờ bản đồ số 75 (2007), tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Trong tổng diện tích đất nói trên khoảng 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2), thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L là của ông T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H Văn V, bà Vòng Nhật L, sau đó ông T nhập chung vào diện tích đất 342m^2 tại thửa đất số 1082 (thửa cũ 363, 364), tờ bản đồ số 75 (tờ bản đồ cũ 25), sau đó ông T, ông H đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận diện tích đất 342m^2 (đo đạc thực tế là 306,9m^2) nói có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn Duy, cụ Lù Thị Moun để lại. Diện tích đất 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2), thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L là của ông T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Vân, bà Liên. Do vậy căn cứ vào quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và xác định diện tích đất diện tích đất 342m^2 (đo đạc thực tế là 306,9m^2) cùng căn nhà trên đất là tài sản chung; thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng cụ ông Nguyễn Văn D, cụ bà Lù Thị M. Xác định diện tích đất 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2) và căn nhà trên đất, thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L thuộc quyền sử dụng của Ông Nguyễn Mạnh T.

Theo nội dung đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 08/8/2008 do Ông Nguyễn Mạnh T kê khai để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc đất của mẹ Lù Thị Moun để lại theo biên bản họp gia đình. Như vậy tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, ông H thì diện tích đất kê khai không đúng nguồn gốc dẫn đến việc cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng theo quy định của pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 mang tên Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H ngày 16/10/2008 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông Vũ Thành N, người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Mạnh T; Chị Nguyễn Hoàng Q là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V; bà L là người đại diện theo ủy quyền của ông Hùng, bà O, bà Bắc, ông Nhơn, bà Dung, bà Phượng, anh Tuấn Anh; Bà Nguyễn Thị Trâm O, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bà Quy, thống nhất đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 mang tên Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H ngày 16/10/2008, riêng diện tích đất 288m^2 (đo đạc thực tế là 301,5m^2), thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L đề nghị công nhận thuộc quyền sử dụng cho ông T; thống nhất giao toàn bộ căn nhà tọa lạc trên lô đất có diện tích 342m^2 (đo đạc thực tế là 306,9m^2), thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L

cho Bà Nguyễn Thị Phương L quản lý, sử dụng, các ông, bà không yêu cầu chia di sản thừa kế; hủy biên bản họp gia đình ngày 24/5/2007 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L chứng thực ngày 30/5/2007; bà L và các đồng thừa kế của cụ D, cụ M có trách nhiệm thanh toán cho bà Anh (O), anh Vũ, chị Quyên số tiền 500.000.000đ (đã thanh toán xong); được xem là phần thừa kế của ông H; bà Anh (bà O), anh Vũ, chị Quyên đồng ý nhận số tiền 500.000.000đ, không yêu cầu và không tranh chấp gì trong khối tài sản nói trên, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức của xã hội nên cần ghi nhận.

[3.3] Theo hồ sơ thể hiện cũng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh L thực hiện ngày 16/11/2022 thì trên diện tích đất tranh chấp có 02 căn nhà cấp 04 (01 căn nhà do bà L, ông T, bà O quản lý sử dụng; 01 căn nhà do bà A, anh V đang quản lý, sử dụng, phần nhà của ông T nhận chuyển nhượng), về hiện trạng nhà và Quyền sử dụng đất các đương sự trình bày vẫn giữ nguyên hiện trạng từ trước đến nay, không thay đổi gì; theo kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh L thực hiện thì tổng diện tích đo đạc thực tế là 640,6m^2 (trong đó vị trí (01) hiện trạng tài sản do cụ D, cụ M để lại hiện nay ông T, bà L, bà O đang sử dụng có diện tích là 306,9m^2 có 19,7m^2 thuộc lộ giới đường Tô H, diện tích đất còn lại là 287,20m^2; vị trí 02 là 301,5m^2 của Ông Nguyễn Mạnh T, trong đó có 18m^2 thuộc lộ giới đường Tô H; theo họa đồ đo đạc một phần diện tích đất 12,4m^2 và 19,2m^2 giáp đất ông Bắc, các đương sự thống nhất lấy ranh giới đất từ mặt đường Tô H kéo thẳng ra sau theo ranh bản đồ địa chính. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất kết quả đo vẽ nói trên, đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L các đương sự đều thống nhất thỏa thuận giá trị nhà và Quyền sử dụng đất 342m^2 (đo đạc thực tế là 306,9m^2), thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L là 4.500.000.000đ theo Thông báo số 221201/CV-2022 ngày 01/12/2022 của Công ty thẩm định giá N. Do đó Tòa án căn cứ vào kết quả đo vẽ và giá trị tài sản mà các đương sự đã thống nhất để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế: Theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh L thực hiện ngày 09/12/2022 thì diện tích đất hiện nay là 306,9m^2 (trong đó có 19,7m^2 thuộc lộ giới, diện tích đất còn lại là 287,2m^2).

Quá trình giải quyết vụ án; các đương sự không yêu cầu chia di sản thừa kế mà đều thống nhất sẽ giao cho bà L sở hữu, sử dụng khối di sản này; xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[5] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Phương L; chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Nguyễn Mạnh T để tuyên xử theo hướng đã nhận định.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 20.333.000đ. Quá trình giải quyết vụ án; Bà Nguyễn Thị Phương L đã nộp tạm ứng chi phí nói trên và được Tòa án quyết toán xong. Tại phiên tòa người bà L đồng ý chịu toàn bộ chi phí nói trên nên cần ghi nhận.

[7] Về án phí:

Lẽ ra Bà Nguyễn Thị Phương L, Ông Nguyễn Mạnh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận.

Tuy nhiên Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1955, Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm: 1960; tính đến nay đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho bà L, ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2, 5, 14 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các khoản 4, 5, 6 Điều 26, các điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Phương L, về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Văn bản họp gia đình" đối với Ông Nguyễn Mạnh T, Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V, Chị Nguyễn Hoàng Q.

+ Chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Nguyễn Mạnh T về việc "Yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất".

Tuyên xử:

1. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Nguyễn Văn Duy là: cụ bà Lù Thị Moun, Bà Nguyễn Thị Phương L, Ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Trâm O, Ông Nguyễn Mạnh N, Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Hoài B, Ông Nguyễn Mạnh Nh, Bà Nguyễn Thị Kim Q,

Bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Mạnh Kh, ông Nguyễn Mạnh C, ông Nguyễn Mạnh T.

2. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Lù Thị Moun là: Bà Nguyễn Thị Phương L, Ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Trâm O, Ông Nguyễn Mạnh N, Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H, Bà Nguyễn Thị Hoài B, Ông Nguyễn Mạnh Nh, Bà Nguyễn Thị Kim Q, Bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Mạnh Kh, ông Nguyễn Mạnh C.

3. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Mạnh Khang gồm: Bà Nguyễn Thị Ph, Anh Nguyễn Nguyễn Tuấn A.

4. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Mạnh H gồm: Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V, Chị Nguyễn Hoàng Q.

5. Xác định căn nhà có diện tích 82,1m^2 (ký hiệu g1) và căn nhà có diện tích 62,8m^2 (ký hiệu g2) tọa lạc trên lô đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 306,9m^2, trong đó có 19,7m^2 đất lộ giới thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 mang tên Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/10/2008 là di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn Duy, cụ Lù Thị Moun để lại, có giá trị là 4.500.000.000đ, một kỷ phần là 346.153.800đ (làm tròn).

6. Hủy Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN676920 mang tên Ông Nguyễn Mạnh T, ông Nguyễn Mạnh H do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 16/10/2008, thuộc thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

7. Xác định căn nhà có diện tích 61,2m^2 (ký hiệu go), 01 phần căn nhà tạm có diện tích 03m^2 (ký hiệu t) tọa lạc trên lô đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 301,5m^2, trong đó có 18m^2 thuộc lộ giới đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Ông Nguyễn Mạnh T.

8. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể:

8.1. Bà Nguyễn Thị Phương L được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà có diện tích 82,1m^2 (ký hiệu g1) và căn nhà có diện tích 62,8m^2 (ký hiệu g2) tọa lạc trên lô đất có diện tích 287,2m^2 thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

8.2. Tạm giao cho Bà Nguyễn Thị Phương L quản lý, sử dụng 19,7m^2 đất lộ giới đường Tô H; thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Khi nhà nước có chủ trương thu hồi thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

{Có họa đồ đo đạc, họa đồ thỏa thuận diện tích và vị trí do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh L thực hiện kèm theo, (vị trí số 01)}.

8.3. Ông Nguyễn Mạnh T được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà có diện tích 61,2m^2 (ký hiệu go), 01 phần căn nhà tạm có diện tích 03m^2 (ký hiệu t) tọa lạc trên lô đất có diện tích 283,5m^2 thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

8.4. Tạm giao cho Ông Nguyễn Mạnh T quản lý, sử dụng 18m^2 đất thuộc lộ giới đường Tô H; thuộc một phần thửa 1082, tờ bản đồ số 75, tọa lạc tại số 18, đường Tô H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Khi nhà nước có chủ trương thu hồi thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

{Có họa đồ đo đạc, họa đồ thỏa thuận diện tích và vị trí do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh L thực hiện kèm theo, (vị trí số 02)}.

8.5. Bà Hứa Thị A (Hứa Thị O), Anh Nguyễn Anh V, Chị Nguyễn Hoàng Q được quyền lưu cư trong căn nhà trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm, sau thời gian này thì phải trả lại căn nhà, quyền sử dụng đất nói trên cho Ông Nguyễn Mạnh T.

8.6. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

9. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Phương L về việc chịu 20.333.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ (đã tạm nộp và quyết toán xong).

10. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Bà Nguyễn Thị Phương L, Ông Nguyễn Mạnh T.

11. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

12. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND tỉnh L (01);
- Phòng KTNV &THA (01);
- Cục THADS tỉnh L (01);
- Đương sự (15);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Châu Thạch